



Thực trạng và giải pháp đảm bảo quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em trong bối cảnh toàn cầu hóa

Cao Thị Hoài Thu

Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:
Ngày nhận bài: 18/4/2023
Ngày nhận bản chỉnh sửa: 15/6/2023
Ngày nhận đăng: 19/6/2023
Ngày xuất bản: 20/6/2026

Từ khóa:
Quyền trẻ em;
Quyền giữ gìn;
Phát huy bản sắc;
Toàn cầu hóa;
Bản sắc văn hóa.

TÓM TẮT

Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em được ghi nhận trong Luật trẻ em năm 2016, thể hiện một cái nhìn đổi mới của Đảng và Nhà nước về vai trò của trẻ em đối với vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Với sự nỗ lực của gia đình, nhà trường và xã hội, công tác bảo đảm quyền giữ gìn và phát huy bản sắc của trẻ em đã đạt được rất nhiều thành tựu đáng kể. Trẻ em trở thành một chủ thể quan trọng để lưu giữ và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên, dưới tác động của toàn cầu hóa dẫn đến sự xâm nhập của các trào lưu văn hóa không phù hợp. Trước thực trạng đó, bài viết đưa ra một định hướng giải pháp nhằm bảo đảm quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em, góp phần giữ gìn những tinh hoa văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Làn sóng toàn cầu hóa đã tác động đến tất cả các quốc gia trên thế giới, đem lại những cơ hội và thách thức mới đối với sự phát triển toàn cầu. Về kinh tế, quá trình toàn cầu hóa mang lại nhiều lợi ích đột phá khi nó tạo ra mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia. Bên cạnh đó, nhiều lợi ích của quá trình toàn cầu hóa cũng đồng thời tạo ra một xu hướng giao lưu và hội nhập sâu rộng giữa các nền văn hóa. Toàn cầu hóa đến đâu thì cấu trúc văn hóa của các quốc gia sẽ bị ảnh hưởng và biến đổi đến đó. Điều này tạo nên một thực trạng phổ biến hiện nay là việc giới trẻ đặc biệt là trẻ em các dân tộc thiểu số càng ngày càng rời xa những giá trị truyền thống của dân tộc mình. Tốc độ đô thị hóa nhanh, chính sách hội nhập và toàn cầu hóa làm cho trẻ em nhanh chóng tiếp cận và chịu ảnh hưởng bởi các nền văn hóa phổ thông và thậm chí cả văn hóa nước ngoài. Trước nguy cơ mai một các văn hóa bản địa đặc biệt là văn hóa của cộng đồng dân tộc thiểu số, việc thúc đẩy và phát triển quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc đặc biệt là quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em đóng một vai trò đặc biệt quan trọng.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm và ý nghĩa của bản sắc văn hóa

2.1.1. Khái niệm bản sắc văn hóa

Bản sắc văn hóa dân tộc (National cultural identity) là một khái niệm gắn liền với khái niệm văn hóa. Theo tâm lý học xã hội, xã hội học và nhân học, bản sắc là cách nhận thức của một cá thể về: Chính cá thể đó, một cá thể khác hoặc một nhóm xã hội. Như vậy, khái niệm bản sắc thường dùng để chỉ những cá tính khác nhau của một cá thể hay một nhóm nhiều cá thể của một nhánh hoặc nhóm xã hội đặc trưng.

Bản sắc văn hóa là một phạm vi nhỏ thuộc nền văn hóa rộng lớn của một địa phương, một vùng hay thậm chí là một quốc gia. Bản sắc văn hóa là nói về những nét đẹp trong văn hóa, những nét tinh hoa mà chỉ vùng, địa điểm hay dân tộc đó mới có, và là nét văn hóa đặc sắc nhất trong nền văn hóa chung để khi nhắc đến là nhớ ngay đến địa điểm cụ thể nào đó, hoặc dân tộc nào đó (Nguyễn, 2023).

Vì vậy, ta có thể hiểu, bản sắc văn hóa dân tộc là thuật ngữ chỉ sắc thái, vẻ đẹp và tính chất đặc biệt, cái

Tác giả liên hệ: Cao Thị Hoài Thu;

Địa chỉ e-mail: caothihoaitu@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.100.2026>

riêng của một nền văn hóa, của một dân tộc để phân biệt với những dân tộc khác trên thế giới. Bản sắc văn hóa dân tộc là cái gốc của nền văn hóa, những đặc trưng không thể trộn lẫn trong cội nguồn văn hóa của mỗi dân tộc. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là những nét đặc trưng đặc biệt làm nên sắc thái, bản lĩnh và dấu ấn riêng của dân tộc Việt, từ những nét đó để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

2.1.2. Ý nghĩa của giữ gìn bản sắc văn hóa

- *Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là giữ gìn cốt cách dân tộc trong quá trình phát triển của dân tộc.*

Bản sắc văn hóa dân tộc là biểu hiện sống động của cốt cách dân tộc qua bao thăng trầm của lịch sử. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cũng chính là giữ gìn cốt cách dân tộc. Cốt cách dân tộc được coi là "chất", là "bộ gien" của mỗi dân tộc và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chính là bảo vệ, giữ gìn bộ gien quý đó. Một nền văn hóa giữ được cốt cách dân tộc sẽ là một nền văn hóa có đủ "sức khỏe" để đề kháng, chống lại sự "ô nhiễm văn hóa" hay "xâm lăng văn hóa" một cách vô thức hay có chủ định. Đây là một điều kiện cơ bản để "tiếp biến" văn hóa trước sự tác động nhiều chiều, phức tạp của khách quan được thực hiện một cách chủ động, tích cực. Chỉ như vậy, nền văn hóa dân tộc mới không bị "hòa tan" hay "lai căng" một cách thô thiển, mất bản sắc.

- *Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là cơ sở củng cố ý thức tự tôn dân tộc và là nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững.*

Ý thức tự tôn dân tộc được củng cố thông qua việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ có ý nghĩa trong việc phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc mà cả đối với quá trình phát triển nói chung, phát triển kinh tế nói riêng. Ý thức đó có thể trở thành sức mạnh giúp dân tộc vượt qua những khó khăn, thử thách trong quá trình phát triển. Hành động tự nguyện quyên góp tiền vàng cho Chính phủ thời kỳ khủng hoảng kinh tế hay tự hào sử dụng những sản phẩm sản xuất trong nước để phát triển kinh tế đất nước chính là minh chứng khẳng định giá

- *Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là tiếp tục phát huy tính sáng tạo của dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế.*

Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là hướng tới một nền văn hóa dân tộc đa dạng, phong phú về sắc thái chứ không phải là một nền văn hóa nghèo nàn, giống nhau, cùng khuôn mẫu. Đa dạng, phong phú hoàn toàn đối lập với sự nghèo nàn, đơn điệu. Đa dạng, phong phú về bản sắc là một thuộc tính của văn hóa thể hiện khả năng sáng tạo của các dân tộc trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Ngày nay, hội nhập quốc tế, một mặt, tạo điều kiện để các nền văn hóa dân tộc được giao lưu, hợp tác và phát triển; mặt khác, cũng tạo ra xu hướng toàn cầu hóa về ngôn ngữ, về văn hóa, về lối sống và quan niệm giá trị. Quá trình đó đặt các dân tộc trước nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời còn ẩn chứa nguy cơ làm suy giảm tính sáng tạo của các dân tộc trong quá trình phát triển (Hoàng, 2010).

- *Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.*

Trải dài theo năm tháng của lịch sử, mỗi dân tộc hun đúc cho mình rất nhiều giá trị văn hóa trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Những truyền thống đó được lưu giữ, bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện mới và đáp ứng những yêu cầu phát triển của lịch sử. Trong thực tế, lòng yêu nước, yêu lao động, yêu chuộng hòa bình và nhiều giá trị nhân văn khác đã trở thành sức mạnh tinh thần giúp mỗi dân tộc vượt qua những gian nan thử thách để phát triển ngày càng vững mạnh. Những tinh thần đó tiếp tục được bổ sung những nhân tố mới, cách thức biểu hiện mới để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế. Ngày nay yêu nước không chỉ để chiến thắng kẻ thù xâm lược mà còn là để xây dựng một dân tộc phát triển về mọi mặt để có thể "sánh vai" cùng các dân tộc khác trên trường quốc tế.

- *Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc gắn với bảo vệ mối quan hệ hòa hợp giữa con người với tự nhiên và xã hội.*

Con người là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của thế giới tự nhiên và là một bộ phận không thể tách rời thế giới đó. Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người ngày càng ý thức rõ rệt về mối quan hệ hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, con người với con người. "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" đã trở thành triết lý sống của con người trong mọi thời đại. Ngày nay, trước sự tác động của biến đổi khí hậu và sự bất ổn tàn khốc của chiến tranh, khủng bố đang hằng ngày hằng giờ cảnh báo cho loài người phải biết quan tâm đến việc sống hòa hợp với tự nhiên và xã hội như một nhân tố không thể thiếu để phát triển, trong đó có phát triển kinh tế (Hoàng, 2010).

2.2. Thực trạng đảm bảo quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng quy định pháp luật về quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em

Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc đã được ghi nhận từ rất sớm trong các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người. Điều 27 Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người (UDHR) ghi nhận "Mọi người đều có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, được thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ những thành tựu và lợi ích của tiến bộ khoa học..." (Liên Hiệp Quốc, 1948). Điều 27 Công ước quốc tế về quyền dân sự và

chính trị (ICCPR) cũng ghi rõ: “Ở những quốc gia có nhiều nhóm thiểu số về sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ, những cá nhân thuộc các nhóm thiểu số đó, cùng với những thành viên khác của cộng đồng mình, không bị khước từ quyền có đời sống văn hóa riêng, quyền được theo và thực hành tôn giáo riêng, hoặc quyền được sử dụng ngôn ngữ riêng của họ. Về các khía cạnh của quyền văn hóa” (Liên Hiệp Quốc, 1966a), Công ước về các Quyền kinh tế, văn hóa và xã hội năm 1966 (CESCR) đã cụ thể hóa trong các Điều 13, 14 và 15. Theo đó, các quyền văn hóa của con người nói chung bao gồm:

- Quyền của mỗi cá nhân được tham gia vào đời sống văn hóa;
- Quyền của mỗi cá nhân được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó;
- Quyền được hưởng việc bảo vệ quyền lợi đạo đức và vật chất bắt nguồn từ các sản phẩm nghệ thuật, văn học, khoa học mà người hưởng thụ là tác giả; được tôn trọng và thừa nhận các phong tục, tập quán, lịch sử, hay những sự khác biệt về văn hóa;
- Quyền tự do không thể tước bỏ khỏi hoạt động sáng tạo nghiên cứu khoa học (Liên Hiệp Quốc, 1966b).

Riêng đối với người dân tộc thiểu số, Điều 2 Tuyên bố về Quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ năm 1992 quy định: “Những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ (dưới đây gọi là những người thuộc các nhóm thiểu số) có quyền:

- Hưởng nền văn hóa (...) dưới hình thức riêng rẽ hoặc trong tập thể, một cách tự do và không bị can thiệp hay bị bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào;
- Tham gia một cách tích cực vào đời sống văn hóa tôn giáo, xã hội, kinh tế và đời sống cộng đồng;
- Tham gia một cách có hiệu quả vào những quyết định ở cấp quốc gia và trong những trường hợp thích hợp là ở cấp khu vực khi liên quan đến nhóm thiểu số mà họ là thành viên hoặc liên quan đến những vùng mà họ sống ở đó, theo một phương thức không trái với pháp luật quốc gia (Liên Hiệp Quốc, 1992).

Nhằm phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, Nghị quyết Hội nghị Trung ương thứ 5 chỉ rõ: “*phương hướng chung, đồng thời là nhiệm vụ bao quát của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo nên trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998).

Nghị quyết Trung ương 5 cũng chỉ rõ: “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” vừa đáp ứng đúng những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống vừa là định hướng chiến lược cơ bản cho sự nghiệp xây dựng, củng cố và không ngừng tăng cường nền tảng tinh thần xã hội ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998).

Với tinh thần phát triển nền văn hóa Việt Nam trên cơ sở đại đoàn kết, Điều 5 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “*Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để tất cả các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước*” (Quốc hội, 2013).

Đối với trẻ em, năm 1990, Việt Nam là nước đầu tiên gia nhập Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Tại Công ước, các quốc gia đã cam kết để đưa ra một tập hợp các chuẩn mực về quyền của trẻ em trong đó có quyền về giữ gìn và phát huy bản sắc. Tại Điều 30 Công ước khẳng định: “*Ở những quốc gia có tồn tại các nhóm thiểu số về chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ hoặc có những nguồn gốc bản địa, những trẻ em thuộc một nhóm thiểu số như thế, hoặc là người bản địa, phải không được khước từ quyền được hưởng nền văn hóa của mình,, tuyên bố và thực hành tôn giáo, và sử dụng giọng nói của mình cùng những thành viên khác trong cộng đồng của mình*” (Liên Hiệp Quốc, 1989).

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Đảng và yêu cầu pháp điển hóa những nội dung đã cam kết trong các văn kiện pháp lý quốc tế, tại Khoản 1 Điều 37 Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 quy định: “*Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em*” (Quốc hội, 2013). Về khía cạnh văn hóa, Điều 41, 42 Hiến pháp 2013 chỉ rõ: “*Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn*

hóa”, “*Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp*” (Quốc hội, 2013).

Cụ thể hóa nội dung của Hiến pháp về quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em, Luật trẻ em năm 2016 quy định:

“Trẻ em có quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc; được thừa nhận các quan hệ gia đình.

Trẻ em có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình” (Quốc hội, 2016).

2.2.2. Thực trạng thực thi quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em

- Những thành tựu đạt được

Vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa nói chung và quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc nói riêng của trẻ em được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Nhằm tôn vinh giá trị và nâng cao nhận thức của cả xã hội về quyền được bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam nói chung và trẻ em nói riêng, năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1668/QĐ-TTg (ngày 17/11/2008), lấy ngày 19/4 hàng năm là Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Việc xây dựng Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam là dịp để các cấp, các ngành nhìn nhận lại vai trò của văn hóa đối với sự phát triển, công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc đặc biệt là đối với trẻ em. Đồng thời, tăng cường các hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm, niềm tự hào đối với truyền thống văn hóa cho trẻ em dân tộc. Đây cũng là cơ hội để cộng đồng trẻ em các dân tộc giao lưu, trao đổi, hòa hợp cùng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, qua đó, góp phần củng cố, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để chống lại các hành vi tuyên truyền các nội dung văn hóa độc hại trên môi trường mạng gây ảnh hưởng xấu đến trẻ em, Nhà nước đã ban hành các quy định chống lại việc tuyên truyền văn hóa mê tín dị đoan cũng được pháp luật quy định. Cụ thể theo Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP về việc vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội (Chính phủ, 2020). Người vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để thực hiện một trong các hành vi: cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, dâm ô, đồi trụy, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả bằng cách gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2.

Quy định này đã được áp dụng trên thực tế. Ngày 6/3/2021, tại tỉnh Bình Dương, Thanh tra sở đã lập biên bản vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7,5 triệu đồng đối với YouTuber Thor Nguyễn theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ vì hành vi đăng tải clip “xin vía học giỏi” lên mạng xã hội là hành vi vi phạm cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy mê tín dị đoan (Văn, 2021). TikToker Nờ Ô Nô cũng bị phạt 7,5 triệu đồng theo quyết định của Sở Thông tin và Truyền thông TPHCM vì đăng tải video có nội dung không tôn trọng người già neo đơn (Bảo, 2022). Tháng 5/2023, để ngăn chặn các hành vi vi phạm về văn hóa ảnh hưởng đến trẻ em, Chính phủ quyết định tiến hành thanh tra toàn diện Tiktok tại Việt Nam (Chính phủ, 2023).

Công tác giáo dục về bản sắc văn hóa cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em đồng bào dân tộc thiểu số rất được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Giáo dục bản sắc văn hóa cho học sinh trong các trường phổ thông dân tộc nội trú được thực hiện thông qua việc tích hợp trong các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân và tích hợp trong các chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Các phương pháp được sử dụng phổ biến là: tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan, khảo sát tìm hiểu thực tế tại các bản làng; khai thác kinh nghiệm thực tế, truyền thống văn hóa vốn có của học sinh; tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như sưu tầm ca dao, dân ca các dân tộc thiểu số, tìm hiểu về các loại nhạc cụ dân tộc, học cách sử dụng một số loại nhạc cụ dân tộc, tìm hiểu văn hóa âm thực của các dân tộc, tổ chức tết dân tộc, lễ hội, tổ chức các câu lạc bộ (câu lạc bộ múa, câu lạc bộ ca dao dân ca, câu lạc bộ cồng chiêng...), hội thi bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, hội diễn văn nghệ, thi trình diễn trang phục dân tộc, trưng bày bản sắc văn hóa của các dân tộc, tổ chức giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong trường học, thực hành các nghề thủ công truyền thống, liên hoan văn nghệ và trò chơi dân gian, mời nghệ nhân trên địa bàn đến truyền dạy văn hóa cho học sinh...

Tiếng nói và chữ viết là một nội dung vô cùng quan trọng của bản sắc văn hóa. Việc dạy tiếng nói và chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số trong các trường phổ thông đã được bắt đầu triển khai từ những năm 60 tại Miền Bắc, Sau ngày đất nước thống nhất, việc dạy bằng tiếng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai rộng khắp. Số lượng các tỉnh, thành phố thực hiện dạy tiếng dân tộc liên tục tăng trong những năm qua. Tính đến

năm 2016 đã có 23 tỉnh, thành phố thực hiện dạy học tiếng dân tộc trong trường phổ thông như Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Phước, Tây Ninh, Kiên Giang, Cà Mau, Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Hậu Giang, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Nghệ An, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên, TP. HCM. Về quy mô trường lớp thực hiện dạy học tiếng dân tộc không ngừng được mở rộng. Chỉ riêng năm học 2015 – 2016, cả nước đã có 682 trường, 5.272 lớp, 121.231 học sinh học tiếng dân tộc (Bùi, 2016).

- Nhưng hạn chế, bất cập trong việc thực thi quyền giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc thực thi quyền giữ gìn, phát huy bản sắc xảy ra rất nhiều các hạn chế, bất cập.

Thứ nhất, Nhà nước cả xã hội chưa có những biện pháp tích cực để chống lại sự “xâm lăng văn hóa”, phai nhạt, đánh mất bản sắc văn hóa, xói mòn những giá trị truyền thống của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Điều này là sự tác động tiêu cực rất lớn đối với quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em. Toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sâu sắc không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà thâm nhập vào nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Về mặt văn hóa, mỗi quốc gia phải đứng trước và luôn luôn phải xử lý mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa có xu hướng mạnh, tạo ra các giá trị phổ quát chung với bản sắc văn hóa riêng, độc đáo của dân tộc. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin, nền kinh tế số; đồng thời cũng đe dọa đến bản sắc văn hóa của các quốc gia, dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Một số nước lớn lợi dụng quá trình toàn cầu hóa để tìm cách truyền bá, thực hiện mưu đồ “bá quyền văn hóa”, làm phai nhạt các giá trị truyền thống của các dân tộc khác. Nhiều nội dung phản giá trị, phản văn hóa, tư tưởng độc hại dễ dàng xâm nhập, làm biến dạng các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống. Đây là một nguy cơ đang hiển hiện và ngày một gia tăng đối với Việt Nam, nhất là những tác động tiêu cực của nó tới thế hệ trẻ (Bùi, 2016).

Đặc biệt, với sự phát triển của mạng xã hội hiện nay, tình trạng lệch chuẩn giá trị văn hóa trong giới trẻ trở nên phổ biến. Khi các mạng xã hội như Facebook, Zalo... chiếm một vị trí rất quan trọng trong đời sống, thì giới trẻ cũng thông qua đó mà tiếp cận đến nhiều thông tin và kể cả các giá trị văn hóa. Thông qua các KOLs, YouTuber, TikToker... và các chương trình trên tài khoản của họ thu hút nhiều sự quan tâm của các em học sinh. Tuy nhiên, vì lợi nhuận, rất nhiều các tài khoản nổi tiếng đã xây dựng nhiều nội dung phản cảm, làm biến dạng những giá trị truyền thống. Đó là việc khai thác những chi tiết, khía cạnh giật gân, trần tục của văn hóa truyền thống khiến nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị hiểu sai lệch và dẫn đến những thực hành thiếu văn hóa, gây ra những phản cảm trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, chế tài răn đe những hành vi này vẫn chưa đủ mạnh mẽ. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử đã quy định về những hành vi sử dụng mạng xã hội để phổ biến những nội dung chưa phù hợp (Chính phủ, 2020). Về mức hình phạt thì vẫn còn quá nhẹ. So với khoản lợi thu về từ việc thu hút lượt xem thì mức phạt như vậy là chưa đủ sức răn đe. Điều này dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật và tiếp tục vi phạm.

Thứ hai, Thiếu sự quan tâm, giáo dục văn hóa truyền thống từ phía gia đình và xã hội.. Thách thức của kinh tế thị trường đối với văn hóa truyền thống cũng là một vấn đề nan giải. Do mục đích kinh tế, nhiều gia đình chỉ chăm lo đến vấn đề lợi nhuận, phát triển kinh doanh mà thiếu quan tâm đến xây dựng các giá trị truyền thống văn hóa cho con em của mình. Hơn nữa, trong thời đại toàn cầu hóa và khoa học công nghệ, chuẩn đánh giá con người, cũng chính là định hướng giáo dục trẻ em của các gia đình là kiến thức ngoại ngữ, khoa học công nghệ, tài chính thương mại... Các em được đánh giá cao khi thông thạo ngoại ngữ, có thành tích cao các môn học trong chương trình giáo dục của nhà trường chứ không được đánh giá cao khi yêu thích hay học hỏi các môn nghệ thuật truyền thống. Do vậy, đầu tư chú trọng của các gia đình cũng chủ yếu hướng đến các giá trị đó chứ không quan tâm nhiều đến việc xây dựng cho con mình các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống.

Thứ ba, Để phát triển quyền được phát huy bản sắc của trẻ em, việc phát triển các chủ thể giáo dục văn hóa truyền thống đóng vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, những nghệ nhân, những người am hiểu, giữ gìn bản sắc văn hóa, người có thể truyền dạy bản sắc văn hóa cho trẻ em ngày càng bị mai một. Mặt khác, chế độ đãi ngộ đối với những nghệ nhân là quá thấp so với mức sống hiện nay. Theo quy định tại Nghị định 109/2015/NĐ-CP về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn thì mức hỗ trợ là từ 850.000 đồng đến 1.000.000 đồng một tháng (Chính phủ, 2015). Mức hỗ trợ như vậy không đủ để duy trì cuộc sống, không đủ để toàn tâm toàn ý truyền dạy tinh hoa văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ.

Trong khi lớp trẻ không mặn mà với văn hóa dân gian, các nghệ nhân ngày càng cao tuổi và thừa thớt dần, kinh phí để bảo tồn, phát triển văn hóa còn hạn hẹp, nhiều nơi không có... nên công tác nghiên cứu, truyền dạy văn hóa dân gian chưa đáp ứng được nhu cầu. Đầu vào ngày một ít đi, người cũ dần vắng bóng, đầu ra ít ỏi, nên số hội viên trẻ, say sưa, nhiệt huyết và có tâm với văn hóa, văn nghệ dân gian ngày càng ít, nguy cơ thế hệ kế cận ngày một suy giảm.

Một thách thức khác đối với văn hóa đó là tốc độ đô thị hóa, hiện đại hóa diễn ra như vũ bão ở tất cả mọi nơi, không gian của đình, đền, chùa, miếu và những di sản khác bị lấn chiếm, thôn tính một cách không thương tiếc. Nhiều di sản vật thể bị phá hủy kéo theo nó là các di sản phi vật thể cũng đi theo. Điều này làm mất đi không gian văn hóa, mất đi tư liệu văn hóa để tuyên truyền giáo dục cho trẻ em.

Thứ tư, Một vấn đề có ảnh hưởng khá lớn đến việc phát triển văn học nghệ thuật nói chung, văn hóa văn nghệ dân gian nói riêng đó là nguồn kinh phí tài trợ của nhà nước. Nhà nước đã tạo điều kiện cho văn học nghệ thuật một nguồn lực kinh phí, tuy nhiên do điều kiện khó khăn của đất nước nên nguồn kinh phí đó còn rất hạn hẹp, công tác sưu tầm, nghiên cứu, tập huấn, tài trợ... đều bị hạn chế.

2.3. Một số giải pháp cấp thiết

Trên cơ sở phân tích những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn về việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cấp thiết sau:

Thứ nhất là giải pháp về nhận thức. Cần tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của gia đình và xã hội về tầm quan trọng của việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho các thế hệ mai sau. Từ đó khơi dậy lòng tự hào của mỗi dân tộc đối với di sản văn hóa tốt đẹp của cộng đồng mình. Thông qua tuyên truyền, giáo dục mới có thể hình thành ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc một cách chủ động, tích cực và tự giác. Chỉ có như vậy cốt cách dân tộc, lòng tự tôn dân tộc mới luôn giữ vai trò hạt nhân trong quá trình phát triển kinh tế và phát triển nói chung của dân tộc. Đây là một quá trình không thể nóng vội, nhưng cũng không thể chậm trễ

Trong giáo dục về bản sắc văn hóa, chủ thể giáo dục giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Chủ thể của các giá trị văn hóa dân gian, bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số lại đang ngày càng mai một. Là chủ thể sáng tạo của di sản, đồng thời là một thành viên trong cộng đồng dân cư, nghệ nhân có thể là những nghệ sĩ, những người thợ giỏi, nắm bí quyết nghề được cộng đồng tin tưởng. Trong xây dựng đời sống văn hóa hiện nay, thông qua lao động, học tập, các nghệ nhân tiếp tục khẳng định vai trò, truyền đạt giúp người dân thay đổi nhận thức, bài trừ và đẩy lùi các hủ tục lạc hậu như ma chay nhiều ngày, tục cướp vợ, hôn nhân cận huyết... Họ còn nắm bắt tâm tư nguyện vọng và tham gia cùng cộng đồng tháo gỡ khó khăn, dạy dỗ, bảo ban thế hệ trẻ lòng tự hào và trách nhiệm về bản sắc văn hóa riêng có của dân tộc mình, từ đó vận động mọi người chung tay xóa đói, giảm nghèo, gìn giữ và phát huy.

Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cho trẻ em cần phải có phương pháp, cách thức phù hợp, đi vào thực chất, chống căn bệnh hình thức, chạy theo phong trào làm phá vỡ tính đa dạng, phong phú và bản sắc văn hóa dân tộc. Về hình thức giáo dục cần có sự kết hợp giữa giáo dục chính khóa và giáo dục ngoại khóa. Cần tạo ra nhiều sân chơi để thu hút các em, tạo điều kiện cho các em có cơ hội tìm hiểu, trải nghiệm các phong tục, trò chơi dân gian, nếp sống đặc trưng của các vùng miền. Về chất liệu giáo dục, cần tiếp tục đẩy mạnh rà soát, thống kê toàn bộ các loại hình văn hóa của các dân tộc đặc biệt là các dân tộc thiểu số, như văn hóa vật thể như: kiến trúc nhà ở, dụng cụ lao động sản xuất, đồ gia dụng, phương tiện vận chuyển, nhạc cụ,...; văn hóa phi vật thể như: truyện kể, văn thơ (truyện miệng, chữ viết...), địa chí, hương ước, ca dao, tục ngữ, câu đố, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, ca múa nhạc, dân ca, trò chơi, ẩm thực, các nghề thủ công truyền thống, lịch sử của địa phương và từng địa danh... Từ đó lựa chọn làm chất liệu giáo dục, đưa những nội dung phù hợp với các dân tộc, các vùng miền khác nhau.

Thứ hai là các giải pháp về các yếu tố đảm bảo. Cần tạo một không gian văn hóa cho trẻ em có điều kiện để thâm thấu các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc một cách tự nhiên, gần gũi. Để làm được điều đó, cần huy động mọi nguồn lực xã hội hóa, cộng đồng dân cư, nguồn hỗ trợ để đầu tư bảo tồn bản sắc văn hóa, gắn với sản phẩm đặc trưng du lịch, kêu gọi các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp đầu tư hoạt động kinh doanh các điểm thể thao, vui chơi giải trí. Bên cạnh đó, mọi nguồn lực bên ngoài chỉ phát huy hiệu quả khi chủ thể văn hóa có ý thức tự giác giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Những giải pháp phát triển về kinh tế để đáp ứng những nhu cầu dân sinh phải gắn với nhu cầu bảo vệ đời sống tinh thần, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Muốn vậy, mọi chính sách đều phải gắn với cộng đồng dân tộc, tôn trọng quyền quyết định của cộng đồng dân tộc, đồng thời phải đầu tư nghiên cứu sâu sắc về những giá trị của văn hóa dân tộc để có những giải pháp phù hợp.

Trước xu thế giao lưu và hội nhập mạnh mẽ, số nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng ít dần đi mà không có lớp kế cận. Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, bên cạnh vai trò quản lý và định hướng của Nhà nước, các chính sách hiệu quả về bảo tồn văn hóa, di sản... cần có những cơ chế đặc thù đãi ngộ, động viên và tôn vinh đội ngũ nghệ nhân kịp thời, để họ phát huy mọi khả năng đóng góp cho công tác bảo tồn văn hóa truyền thống. Những chính sách này sẽ góp phần phát huy vai trò, tính sáng tạo của nghệ nhân trong bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời giúp họ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về công tác bảo tồn di sản cho đội ngũ kế cận. Muốn vậy, cần thường xuyên tạo điều kiện để các nghệ nhân, người có uy tín giao lưu,

trao đổi kinh nghiệm về cách làm hay, mô hình hiệu quả trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam; giúp họ nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của mình trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mình, ý thức được tầm quan trọng việc trao truyền cho thế hệ sau, thể hiện bản lĩnh thông qua việc lựa chọn và bảo vệ những giá trị di sản văn hóa tộc người, địa phương trước sự xâm lấn văn hóa.

Thứ ba là giải pháp về tổ chức thực hiện. Cần nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy sự chủ động, tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm quyền phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của trẻ em các dân tộc. Trong xây dựng chính sách, cần chú ý mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Điều này phải được quán triệt trong tổng thể hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Đề chính sách đi vào được cuộc sống cần bảo đảm sự thống nhất trong tất cả các khâu từ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát đến đầu tư nguồn lực thích đáng.

Thứ tư là giải pháp về thể chế. Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, tương thích với pháp luật quốc tế về phòng ngừa và ứng phó với thực trạng xâm phạm đến quyền giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của trẻ em, đặc biệt là trẻ em thuộc nhóm dân tộc thiểu số. Đây là cơ sở pháp luật tạo thuận lợi cho các nước cùng phối hợp phòng ngừa và đấu tranh, thực hiện tương trợ tư pháp. Chúng ta cần phát huy tính chủ động trên cả mặt hợp tác và đấu tranh trong cả quan hệ song phương và đa phương trên cơ sở bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và chia sẻ mối quan tâm chung với các nước khác về những vấn đề mang tính toàn cầu.

3. KẾT LUẬN

Việt Nam là một quốc gia thống nhất với 54 dân tộc. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất. Để phát huy truyền thống văn hóa, Đảng và Nhà nước ta đã có rất nhiều chính sách thúc đẩy sự phát triển của bản sắc dân tộc đặc biệt là đối với trẻ em. Tuy nhiên, với tốc độ toàn cầu hóa và hội nhập như hiện nay, việc thực hiện quyền được giữ gìn, phát huy bản sắc của trẻ em vẫn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Cần xây dựng và thực hiện ngay những biện pháp mang tính thực tiễn và hiệu quả cao để trẻ em trở thành những chủ thể lưu giữ các nền văn hóa đa dạng của Việt Nam trường tồn trong bản đồ văn hóa của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bảo, B. (2022) *TikToker Nờ Ô Nô bị phạt 7,5 triệu đồng. Trang thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật.* https://pbgdpl.hanoi.gov.vn/chi-tiet-tim-kiem/-/asset_publisher/kyB8zPQFRdzV/content/tiktok-no-o-no-bi-phat-7-5-trieu-ong
- Bùi, V. T. (2016). *Dạy học tiếng dân tộc trong trường phổ thông – Những thành công và khó khăn, thách thức.* Bộ Giáo dục và Đào tạo. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-dan-toc/Pages/Default.aspx?ItemID=4075>
- Chính phủ. (2015). *Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 quy định về hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.* Chính phủ.
- Chính phủ. (2020). *Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.* Chính phủ.
- Chính phủ. (2023, May 5). *Bắt đầu kiểm tra TikTok từ ngày 15/5 tới.* Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. https://baochinhphu.vn/bat-dau-kiem-tra-tiktok-tu-ngay-15-5-toi-102230505110324069.htm?utm_source
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*
- Hoàng, T. H. (2010). *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế. Tạp chí Cộng sản.* <https://tapchicongsan.org.vn/en/nguyen-cu/-/2018/2170/giu-gin-va-phat-huy-ban-sac-van-hoa-dan-toc-trong-qua-trinh-phat-trien-kinh-te-thoi-ky-hoi-nhap-quoc-te.aspx>
- Liên Hiệp Quốc. (1948). *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.*
- Liên Hiệp Quốc. (1966a). *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.*
- Liên Hiệp Quốc. (1966b). *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.*
- Liên Hiệp Quốc. (1989). *Công ước về quyền trẻ em.*
- Liên Hiệp Quốc. (1992). *Tuyên bố về quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc hoặc sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ.*
- Nguyễn, V. D. (2023). *Bản sắc văn hóa dân tộc là gì? Biểu hiện và ý nghĩa của bản sắc văn hóa dân tộc?* Công ty Luật Dương Gia. <https://luatduonggia.vn/ban-sac-van-hoa-dan-toc-la-gi-bieu-hien-va-y-nghia-cua-ban-sac-van-hoa-dan-toc/>
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2016). *Luật Trẻ em* (Luật số 102/2016/QH13).

Văn, H. (2021) *Youtuber Thơ Nguyễn bị xử phạt 7,5 triệu đồng*. Báo Điện tử Bắc Ninh <https://baobacninhvtv.vn/youtuber-tho-nguyen-bi-xu-phat-75-trieu-dong.bbg>

Thủ tướng Chính phủ. (2008). *Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2008 về Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam*.

The fact and solutions guarantee the identity preservation and development right of children in the context of globalization

Cao Thi Hoai Thu

Faculty of Political Education, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 18 April 2023

Received in revised form: 16 June 2023

Accepted: 19 June 2023

Published: 20 June 2026

Keywords:

Children's rights;

Preservation and development rights;

Globalization;

Identity culture.

Corresponding author:

Cao Thi Hoai Thu

E-mail address:

caothihoaithu@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

The identity preservation and development right of children is recorded in Law on Children 2016, which means that the Party and State have innovative thinking about the role of children in the identity culture preservation and development of the nation. With family, school, and social effort, the task of ensuring identity preservation and the development right of children has gained many significant achievements. Children are an important subject that maintains and grows the traditional cultural values of a nation. However, globalization has an effect on the intrusion of cultural movement which is not compatible. Given this fact, the article indicates a directed solution that ensures the identity preservation and development right of children, which contributes to maintaining the cultural quintessence of the nation in the new era.